

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 255/2023/HC-PT

Ngày 24 - 4 - 2023

V/v Hủy quyết định hành chính
về lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Lê và bà Phan Thị Vân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Lê Song Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 548/2022/TLPT-HC ngày 16 tháng 11 năm 2022, về “*Khiếu kiện hủy quyết định hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2022/HC-ST ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3830/2023/QĐPT-HC ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà **NTL** và ông **LCP**; cùng địa chỉ: Số nhà 33 NBK, phường S, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. (có mặt bà L, vắng mặt ông P)

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **LVT** - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Sầm Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **NNB** - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Sầm Sơn. (vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân phường S, thành phố Sầm Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **HTG** - Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường S, thành phố Sầm Sơn. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15/12/2021, đơn bổ sung đơn khởi kiện ngày 07/01/2022 và quá trình giải quyết tại Tòa án, bà NTL và ông LCP trình bày:

Năm 2003 vợ chồng bà L, ông P mua của ông **NHH** thửa đất với diện tích 309,2m². Mảnh đất này ông H đã sử dụng từ trước năm 1980, thuộc thửa số 709, tờ bản đồ số 1, bản đồ 299 đo đạc năm 1985, ông H đã làm nhà ở ổn định, không tranh chấp với ai. Gia đình bà L, ông P sử dụng đến năm 2010 thì được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất (Sở Tài nguyên và Môi trường) xác lập tại thửa số 134, tờ bản đồ số 17, với diện tích 309,2m², loại đất ODT (đất ở đô thị), sổ mục kê đứng tên NTL. Năm 2015, gia đình bà L làm hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) và đã được phường S có Biên bản xác minh thời gian, nguồn gốc sử dụng đất ở và có Tờ trình gửi Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thành phố Sầm Sơn, nhưng chưa được UBND thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp GCNQSDĐ.

Theo trích đo bản đồ địa chính phường S, thành phố Sầm Sơn năm 2018 thuộc thửa số 59, tờ bản đồ số 17, diện tích 301,9m², sổ mục kê là bà NTL. Năm 2021, UBND thành phố Sầm Sơn thu hồi toàn bộ mảnh đất nêu trên, nhưng chỉ bồi thường cho gia đình bà L, ông P là đất trồng cây hàng năm khác (BHK).

Không đồng ý với việc áp giá bồi thường, gia đình bà L, ông P đã khiếu nại các quyết định hành chính của UBND thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Ngày 18/11/2021, Chủ tịch UBND thành phố Sầm Sơn ban hành Quyết định số 7162/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông LCP, kết quả giải quyết khiếu nại: UBND thành phố Sầm Sơn không công nhận bồi thường diện tích 301,9m² là đất ở của ông P và bà L, tại thửa đất số 59, tờ bản đồ số 17, trích đo bản đồ phường S năm 2018.

Nay bà L, ông P đề nghị Tòa án giải quyết: Hủy toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại số 7162/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Sầm Sơn; buộc Chủ tịch UBND thành phố Sầm Sơn ra quyết định công nhận thửa số 134, tờ bản đồ số 17 trích đo bản đồ địa chính năm 2010, với diện tích 309,2m² là đất ở đô thị; yêu cầu bố trí đất tái định cư cho gia đình.

Tại văn bản số 3522/UBND-TNMT ngày 11/7/2022, người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố Sầm Sơn trình bày:

+ Về nguồn gốc thửa đất: Theo Biên bản xác minh nguồn gốc đất ngày 25/6/2021 và Báo cáo số 851/BC-UBND ngày 12/11/2021 của UBND phường S, thành phố Sầm Sơn, thửa đất số 59, tờ bản đồ số 17 diện tích 301,9m², trích đo bản đồ địa chính năm 2018 của hộ ông LCP và bà NTL có nguồn gốc là đất nông nghiệp, thời điểm sử dụng trước ngày 01/7/2004, không có tranh chấp. Ông LCP và bà NTL nhận chuyển nhượng của ông NHH và bà TTD diện tích 330m² theo giấy viết tay ngày 20/6/2003.

+ Về hồ sơ địa chính thửa đất qua các thời kỳ:

Hồ sơ 299 thuộc một phần thửa đất số 709, tờ bản đồ số 07, diện tích 1986,0m², loại đất 1 lúa “IL”, chủ sử dụng HTX nông nghiệp;

Hồ sơ địa chính 382 năm 1995 thuộc một phần thửa đất số 32, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.922,0m², loại đất màu “M”, đăng ký tên Hợp tác xã;

Hồ sơ địa chính 2010, thuộc thửa số 134 tờ bản đồ số 17, diện tích 309,2m², loại đất ODT, đăng ký tên bà NTL (vợ ông LCP);

Hồ sơ địa chính trích đo năm 2018 thuộc thửa 59, tờ bản đồ số 17, diện tích 301,9m², đăng ký sử dụng ông LCP, loại đất BHK.

+ Hiện trạng sử dụng đất: Theo Biên bản đo đạc, kiểm kê ngày 21/7/2021 của Tổ kiểm kê GPMB, trên thửa đất của ông LCP và bà NTL có 01 nhà lợp Fibrocimnet diện tích 16,56m².

+ Về việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ:

Ngày 08/10/2021, UBND thành phố Sầm Sơn ban hành Quyết định số 6172/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của 03 hộ gia đình cá nhân sử dụng đất tại phường S để GPMB thực hiện dự án Quảng trường biển, trực cảnh quan lễ hội thành phố Sầm Sơn. Theo đó, thu hồi của hộ ông LCP và bà NTL diện tích 36,6m² đất thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 17, loại đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK).

Ngày 08/10/2021, UBND thành phố Sầm Sơn ban hành Quyết định số 6173/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB cho 03 hộ gia đình cá nhân sử dụng đất tại phường S để thực hiện dự án Quảng trường biển, trực cảnh quan lễ hội thành phố Sầm Sơn, theo đó hộ ông P, bà L được bồi thường 36,6m² đất trồng cây hàng năm khác (BHK). Tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ (đất + tài sản vật kiến trúc + cây cối, hoa màu+ hỗ trợ) là 4.758.000đồng, trong đó bồi thường về đất 1.903.000đồng; bồi thường về tài sản vật kiến trúc 0 đồng; cây cối hoa màu 0 đồng, hỗ trợ 2.855.000đồng.

Ngày 28/10/2021, UBND thành phố Sầm Sơn ban hành Quyết định số 6613/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của 13 hộ gia đình cá nhân sử dụng đất tại phường S để GPMB thực hiện dự án khu đô thị Quảng trường biển. Theo đó, thu hồi của hộ ông LCP và bà NTL diện tích 265,3m² đất thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 17, loại đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK).

Ngày 28/10/2021, UBND thành phố Sầm Sơn ban hành Quyết định số 6614/QĐ-UBND phê duyệt phương án BT, HT GPMB cho 13 hộ gia đình cá nhân sử dụng đất tại phường S để thực hiện dự án Quảng trường biển, trực cảnh quan lễ hội thành phố Sầm Sơn, theo đó hộ ông P, bà L được bồi thường 265,3m² đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK). Tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ (đất + tài sản vật kiến trúc + cây cối, hoa màu+ hỗ trợ) là 65.922.000đồng, trong đó bồi thường về đất 13.796.000đồng; bồi thường về tài sản vật kiến trúc 8.033.000đồng; cây cối hoa màu 0 đồng, hỗ trợ 44093.000đồng.

Tổng diện tích đất thu hồi của cả hai dự án là 301,9m², tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hai dự án là 70.680.000 đồng.

Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 17, diện tích 301,9m² của hộ ông LCP và bà NTL sử dụng có nguồn gốc là đất nông nghiệp, không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai 2013 và Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Hồ sơ quản lý đất đai và hiện trạng sử dụng đất không có cơ sở xác định hộ ông P, bà L sử dụng ổn định vào mục đích đất ở theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Hộ ông P, bà L có xây dựng nhà trên đất nông nghiệp không được cơ quan có thẩm quyền cho phép, thời điểm xây dựng năm 2011, gia đình không sử dụng để ở từ khi xây dựng đến nay (không có điện nước, bếp và nhà vệ sinh) nên không đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ ở theo quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐCP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Do vậy không được Nhà nước bồi thường về đất ở theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Như vậy UBND thành phố Sầm Sơn đã thu hồi và bồi thường cho hộ ông P, bà L 301,9m² đất trồng cây hàng năm khác (BHK) là đúng quy định.

Ngày 18/11/2021, Chủ tịch UBND thành phố Sầm Sơn đã ban hành Quyết định số 7162/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông LCP.

Việc ông LCP và bà NTL khởi kiện yêu cầu Toà án huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại số 7162/QĐ-UBND, yêu cầu UBND thành phố Sầm Sơn thực hiện lại việc thu hồi và phê duyệt phương án bồi thường toàn bộ diện tích 301,9m² đất trồng cây hàng năm (BHK) tại thửa số 134, tờ bản đồ số 17 thành đất ở là không có cơ sở.

Tại Biên bản đối thoại ngày 28/4/2022 và quá trình giải quyết vụ án, Chủ tịch UBND phường C trình bày:

Thống nhất về nguồn gốc, hồ sơ quản lý đất đai và quá trình sử dụng đất của gia đình bà L, ông P như UBND thành phố Sầm Sơn trình bày.

Năm 2015, gia đình bà NTL, ông LCP có nguyện vọng xin cấp GCNQSDĐ, UBND phường đã hướng dẫn công dân làm hồ sơ và đo đạc, nhưng khi chuyển hồ sơ lên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Sầm Sơn đã từ chối cấp GCNQSDĐ vì không đủ điều kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2022/HC-ST ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, khoản 1 Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 11, điểm c khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai 2013; khoản 1 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Bác đơn khởi kiện của bà LTL1, ông LCP yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 7162/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Sầm Sơn; buộc Chủ tịch UBND thành phố Sầm Sơn ra Quyết định công nhận thửa số 134, tờ bản đồ số 17, trích đo bản đồ địa chính năm 2010 với diện tích 309,2m² là đất ở đô thị; yêu cầu bố trí đất tái định cư cho gia đình.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 17/8/2022, bà NTL có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện bà NTL giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2022/HC-ST ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 17/8/2022 người khởi kiện bà NTL có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2022/HC-ST ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Đơn kháng cáo của bà NTL gửi trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Xét thấy, người khởi kiện ông LCP, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 2 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.3] Về đối tượng khởi kiện: Bà NTL, ông LCP khởi kiện Quyết định giải quyết khiếu nại số 7162/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Sầm Sơn, đây là Quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện có tác động trực tiếp đến quyền lợi của hộ bà L, ông P. Người khởi kiện nộp đơn trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày nhận được quyết định, do đó vụ án được Tòa

án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện và đơn kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 7162/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa:

Việc Chủ tịch UBND thành phố Sầm Sơn ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 7162/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 đối với ông LCP, tổ dân phố K, phường S, thành phố Sầm Sơn là đúng thẩm quyền, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 18, Điều 27 và Điều 31 Luật Khiếu nại 2011.

[2.2] Về căn cứ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 7162/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Sầm Sơn:

Diện tích đất 301,9m², hộ bà L, ông P sử dụng và bị thu hồi tại thửa số 59, tờ bản đồ 17, có nguồn gốc do hộ bà L, ông P nhận chuyển nhượng của gia đình ông NHH, bà TTD ngày 20/6/2003, với diện tích 330m² (bà L, ông P trình bày có giấy viết tay).

Theo hồ sơ 299 đo đạc năm 1985, hồ sơ địa chính đo đạc năm 1995, diện tích đất nằm trong các thửa lớn, là đất lúa, đất màu, chủ sử dụng là HTX Nông nghiệp (BL100-102). Năm 2003, hộ bà L nhận chuyển nhượng của hộ ông NHH, đến năm 2010 được tách thửa, tại thửa số 134 mang tên bà NTL, diện tích 309,2 m², loại đất ODT (BL99); đến năm 2018 là thửa số 57, mang tên ông LCP, diện tích 301,9 m², loại đất BHK (BL98).

Tại Tòa án, bà L, ông P trình bày: Sau khi mua thửa đất trên của ông H; gia đình bà L, ông P sử dụng trồng chuối và khoai lang, đến năm 2011 mới làm 02 gian nhà lợp Froximang diện tích khoảng 35m² nhưng không ở.

Thực hiện dự án khu đô thị Quảng trường biển và dự án Quảng trường biển, trực cảnh quan lễ hội thành phố Sầm Sơn, tại Biên bản kiểm kê ngày 21/7/2021, thửa đất của ông P, bà L có 01 nhà lợp mái Froximang diện tích 16,56m², không có công trình vệ sinh, không có điện nước (BL72,73). Như vậy gia đình bà L, ông P có làm nhà, nhưng không sử dụng vào mục đích để ở.

Về điều kiện để cấp GCNQSDĐ ở đối với trường hợp sử dụng đất không có giấy tờ, theo khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định:

“Hộ gia đình cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở, công trình xây dựng khác trong thời gian từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước 01 tháng 7 năm 2004, nay được UBND cấp xã xác nhận không có tranh chấp; sử dụng đất phù hợp với quy hoạch hoặc không phù hợp với quy hoạch nhưng đất đã sử dụng trước thời điểm phê duyệt quy hoạch hoặc sử dụng đất tại nơi chưa có quy hoạch; chưa có

thông báo hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì được công nhận quyền sử dụng đất như sau:

a. Đối với thửa đất có nhà ở mà diện tích thửa đất lớn hơn hạn mức giao đất quy định tại khoản 2 Điều 143 và khoản 4 Điều 144 của Luật Đất đai (sau đây gọi là hạn mức giao đất ở) thì toàn bộ thửa đất được công nhận là đất ở.”

Về căn cứ để xác định việc sử dụng đất ổn định: Tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định:

“Sử dụng đất ổn định là việc sử dụng đất liên tục vào một mục đích chính nhất định kể từ thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích đó đến thời điểm cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc đến thời điểm quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp chưa cấp GCNQSDĐ, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận)”.

Căn cứ vào nguồn gốc sử dụng đất, hồ sơ quản lý đất đai và hiện trạng sử dụng đất của hộ ông P, bà L tại thời điểm có quyết định thu hồi đất, thửa đất của ông bà xác định thời điểm sử dụng trước ngày 01/7/2004, nhưng không sử dụng liên tục vào mục đích để ở, không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ là đất ở, do đó tại Quyết định thu hồi đất số 6172/QĐ-UBND và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 6173/QĐ-UBND cùng ngày 08/10/2021; Quyết định thu hồi đất số 6613/QĐ-UBND và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 6614/QĐ-UBND cùng ngày 28/10/2021 của UBND thành phố Sầm Sơn thu hồi, bồi thường toàn bộ diện tích đất 301,9m² cho hộ bà L, ông P là đất bằng trồng cây hàng năm (BHK) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Đối với việc lập hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ ở năm 2015: UBND phường S, thành phố Thanh Hóa có Tờ trình đề nghị UBND thành phố Sầm Sơn cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông P, bà L 309,2m² (trong đó đất ở 125m², đất trồng cây lâu năm 184,2m²), đồng thời phải nộp 50% tiền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai hiện hành. Tuy nhiên đề nghị của UBND phường S không phù hợp với các quy định nêu trên và không được Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Sầm Sơn phê duyệt. Do đó không thể căn cứ hồ sơ này để xác định diện tích đất nêu trên của ông P, bà L là loại đất ở tại thời điểm thu hồi.

[3] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, việc bà L, ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 7162/QĐ- UBND ngày 18/11/2021; Buộc Chủ tịch UBND thành phố Sầm Sơn ra quyết định công nhận thửa đất số 134, tờ bản đồ số 17 trích đo bản đồ địa chính năm 2010, với diện tích 309,2m² là đất ở đô thị là không có cơ sở chấp nhận. Do đó ông P, bà L cũng không được bố trí đất tái định cư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013, Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của

Chính phủ. Việc Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà NTL, ông LCP là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà NTL không xuất trình thêm được tài liệu, chứng cứ mới. Do đó Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm cần bác kháng cáo của bà L, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội là có cơ sở.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà NTL phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Bác kháng cáo của bà NTL. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2022/HC-ST ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

[2]. Về án phí: Bà NTL phải chịu 300.000đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ số tiền 300.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0016012 ngày 26/8/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án, P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Minh